

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 58/2024/HS-ST

Ngày: 19 - 9 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nguyên Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Tuấn

Ông Trần Thanh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 55/2024/TLST-HS, ngày 05 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2024/QĐXXST-HS, ngày 06 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

- Bị cáo thứ nhất: Thạch Thị Sa C, sinh ngày 01/01/1963 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Khóm Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thạch S (chết) và bà Thạch Thị Y (chết); có chồng là S (chết) và có 05 người con (lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1992); tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị cáo thứ hai: Sơn Sắt, sinh ngày 20/5/1983 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Khóm Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; Nơi ở hiện nay: Số B, Đường số A, Phường E, quận G, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sơn L (chết) và bà Thạch Thị Sa C; có vợ là Lê Nguyễn Phương M

và có 02 người con (lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị cáo thứ ba: **S**, sinh ngày 20/12/1985 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Khóm Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sơn L (chết) và bà Thạch Thị Sa C; có vợ là Phạm Thị Thu T và có 02 người con (lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2020); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: 1. Ông **Bạch Sơn D**, sinh năm 1970 (xin vắng)

2. Bà **Ngô Thị P**, sinh năm 1971 (xin vắng)

Nơi cư trú: Khóm Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà **Bạch Thị Kim V**, sinh năm 1949 (xin vắng)

2. Chị **Sơn Thị Ly K**, sinh năm 1988 (xin vắng)

3. Anh **Thạch Ngọc H**, sinh năm 1990 (vắng mặt)

4. Chị **Sơn Thị Thu H1**, sinh năm 1992 (xin vắng)

Nơi cư trú: Khóm Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

- Người làm chứng:

1. Ông **Thạch L1**, sinh năm 1940 (vắng mặt)

2. Ông **Kim C1**, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Khóm Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2010, cụ bà Bạch Thị Kim V có tặng cho con trai là bị hại ông Bạch Sơn D thửa đất số 98, tờ bản đồ số 36 (thửa cũ số 368, tờ bản đồ số 5), diện tích 582,8m² tọa lạc tại Tổ D, khóm Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long cho đến năm 2013 ông D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2017, ông D có trồng 80 cây cam mật trên một phần của thửa đất số 98 tiếp giáp với đất của bị cáo Thạch Thị Sa C. Phần đất trồng cam ông D có làm hàng rào bằng dây chì gai xung quanh có tổng chiều dài 45,1 mét, cao khoảng 02 mét.

Đến năm 2019, bị cáo Thạch Thị Sa C với ông Bạch Sơn D xảy ra tranh chấp ranh tại thửa đất số 98 giáp với đất của bị cáo Sa C nên gia đình bị cáo Sa C đã nhiều lần yêu cầu ông D phá bỏ cam và cho rằng ông D trồng cam trên phần đất của gia đình bị cáo Sa C nhưng ông D không phá bỏ. Vì vậy, bị cáo Sa C cùng với con ruột là các bị cáo Sơn A, Sơn S1 bàn bạc với nhau nếu ông D không phá bỏ

cam thì gia đình bà sẽ chặt phá cam và phá hàng rào dây chì gai để kéo dây xác định lại ranh đất và lấy lại phần diện tích đất mà ông D đang trồng cam. Sau khi bàn bạc xong, bị cáo Sa C đi mua một cây kiềm và một cây cưa tay, bị cáo Sơn A chuẩn bị một con dao đang sử dụng của gia đình để chặt phá cam và phá hàng rào dây chì gai của ông D. Các lần chặt phá như sau:

Lần thứ nhất: Sáng ngày 02/11/2019, bị cáo Sơn A gọi điện cho các bị cáo Sa C, Sơn S1 tiến hành chặt cam và phá hàng rào dây chì gai của ông D như đã bàn bạc trước đó. Khi thực hiện, bị cáo Sơn A và Sơn S1 dùng kiềm cắt hàng rào dây chì gai (cạnh phần đất của gia đình bị cáo Sa C), sau đó các bị cáo Sơn A, Sơn S1, Sa C dùng dao, cây cưa tay thay phiên nhau cưa, chặt gốc cam và nhánh cam một hàng cam từ trên xuống dưới (cạnh nhà ông D) và chặt nhánh những cây cam xung quanh. Sau khi cưa, chặt xong (19 cây, chặt nhánh 32 cây cam được 03 năm tuổi) thì bị cáo Sa C kêu con trai là anh Sơn B đi mua lưới B40 về và cả gia đình bị cáo Sa C kéo lưới B40 thành một hàng thẳng từ trên xuống dưới giáp với nhà của ông D để rào đất lại. Sau khi kéo lưới xong bị cáo Sa C gọi điện thoại cho con gái là Sơn Thị Ly K, Sơn Thị Thu H1 về để phụ giúp kéo cây cam vừa chặt xong thì Ly K và Thu H1 đồng ý và có về tham gia kéo cây cam đã chặt. Bị cáo Sơn A và Sơn S1 cắt ngắn từng đoạn hàng rào dây chì gai của ông D rồi kéo ra ngoài đến để trước nhà của ông D. Sau đó ông D phát hiện sự việc nên trình báo Công an phường Đ đến lập biên bản.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số: 81/KL-ĐGTS ngày 18/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã B kết luận: 19 cây cam giá trị 5.320.000đ và hàng rào dây chì gai giá trị 8.480.000đ. Tổng giá trị tài sản là 13.800.000đ.

Riêng đối với 32 cây cam mật bị chặt nhánh không xác định được giá trị (Căn cứ Văn bản số: 06/TB-HĐĐG ngày 18/11/2019 về việc từ chối định giá tài sản đối với 32 cây cam mật bị chặt nhánh do không đủ cơ sở đưa ra giá của tài sản yêu cầu định giá).

Lần thứ hai: Tháng 8/2020, gia đình bị cáo Thạch Thị Sa C chuẩn bị cất nhà tại phần đất tiếp giáp với thửa đất 98, tờ bản đồ số 36 (thửa đất ông D trồng cam và đang tranh chấp với gia đình bị cáo Sa C) nên bị cáo Sa C bàn bạc con ruột là bị cáo Sơn A và Sơn Sát chặt hết số cam còn lại của ông D để lấy lại đất và cất nhà. Ngày 30/8/2020 khi ông D không có ở nhà thì bị cáo Sơn A lấy một con dao và một cây cưa tay (con dao và cây cưa tay trước đây đã sử dụng để chặt cam vào ngày 02/11/2019) bắt đầu chặt cam, bị cáo Sa C thấy vậy nên xuống chặt cam tiếp với bị cáo Sơn A, sau đó bị cáo Sơn S1 từ thành phố Hồ Chí Minh về đến nhà thuê Thạch Ngọc H dùng cưa máy để cưa cây cam của nhà ông D với giá 100.000đ. Bị cáo Sơn A, Sơn S1, Sa C thay phiên nhau dùng dao và cưa tay để chặt và cưa gốc

cam, còn Thạch Ngọc H dùng cưa máy để cưa cây cam, cưa được một lúc thì H về trước vì máy cưa bị hư. Khi chặt và cưa hết cam trong vườn của ông D thì bị cáo Sa C có gọi điện cho Sơn Thị Thu H1 và Sơn Thị Ly K về để dọn tiếp nhánh cam và hái trái cam để bán và cho người đi đường. Sau đó ông D phát hiện số cây cam bị chặt, phá hết nên đã đến Công an phường D trình báo sự việc.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số: 45/KL-ĐGTS ngày 03/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã B kết luận: 61 cây cam mật trị giá 24.400.000đ.

Đối với Sơn Thị Thu H1 và Sơn Thị Ly K: Có tham gia 02 lần dọn những cây cam mà bị cáo Sa C, S, Sơn S1 chặt của bị hại ông Bạch Sơn D nhưng không có tham gia bàn bạc, không có tham gia chặt cây cam và phá hàng rào dây chì gai của bị hại. Sau khi bị cáo Sa C, S, Sơn S1 chặt cam và phá hàng rào dây chì gai xong thì bị cáo Sa C có gọi điện thoại kêu về phụ dọn cây cam nên về dọn.

Đối với anh Sơn B: Vào ngày 02/11/2019, khi bị cáo Sa C, S, Sơn S1 chặt cây cam và phá hàng rào dây chì gai của ông D xong thì bị cáo Sa C kêu anh Sơn B đi mua lưới B40 về rào lại phần đất vừa chặt cam xong và không có tham gia chặt, phá cam và hiện nay anh Sơn B đã chết.

Đối với anh Thạch Ngọc H: Được bị cáo Sơn S1 thuê cưa cam nhưng anh H không biết những cây cam trên là của ông D nên đã cưa cây cam theo yêu cầu của bị cáo Sơn S1.

Đối với con dao và cây cưa tay mà bị cáo Sa C, Sơn A, Sơn S1 dùng để chặt và cưa cam của bị hại Bạch Sơn D hiện nay đã mất và Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu hồi được. Đồng thời, có thu giữ 01 cây kiếm bằng sắt màu xanh mà bị cáo Sơn A, Sơn S1 dùng để cắt hàng rào dây chì gai của bị hại.

Quá trình điều tra, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình và đã bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bị hại Bạch Sơn D số tiền 25.000.000đ.

- Tại Cáo trạng số: 56/CT-VKSBM, ngày 30/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long truy tố các bị cáo Thạch Thị Sa C, S, Sơn S1 về tội “Hủy hoại tài sản” theo khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại phiên tòa, các bị cáo Thạch Thị Sa C, S, Sơn S1 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

+ Về tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên các bị cáo Thạch Thị Sa C, S, Sơn S1 phạm tội “Hủy hoại tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 178; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 36, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đối với bị cáo Thạch Thị Sa C: Đề nghị tuyên phạt từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Đối với bị cáo Sơn A: Đề nghị tuyên phạt từ 09 tháng đến 01 năm cải tạo không giam giữ.

Đối với bị cáo Sơn S1: Đề nghị tuyên phạt từ 09 tháng đến 01 năm cải tạo không giam giữ.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi cư trú của các bị cáo để giám sát, giáo dục.

Miễn khấu trừ thu nhập và miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

+ Về trách nhiệm dân sự: Đã thỏa thuận bồi thường xong.

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 (một) cây kiếm bằng sắt màu xanh đã qua sử dụng (theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05/9/2024).

+ Về án phí: Áp dụng các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và các Điều 12, 23 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Sơn A, Sơn S1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm. Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Thạch Thị Sa C do thuộc trường hợp người cao tuổi.

+ Đối với Sơn Thị Thu H1, Sơn Thị Ly K và Thạch Ngọc H không có đồng phạm với các bị cáo và không cấu thành tội hủy hoại tài sản. Đối với Sơn B (đã chết vào ngày 15/11/2023) nên không xem xét xử lý.

- *Phần tranh luận*: Các bị cáo và Kiểm sát viên không tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo là xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã B, tỉnh Vĩnh Long và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện

đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, lời khai bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án và còn phù hợp với vật chứng thu được, kết luận định giá tài sản, các biên bản hoạt động điều tra cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ xác định:

Bị hại vợ chồng ông Bạch Sơn D, bà Ngô Thị P là chủ sử dụng thửa đất số 98, tờ bản đồ số 36, tại Tổ D, khóm Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Trên một phần của thửa đất số 98, bị hại có trồng 80 cây cam mật và làm hàng rào bằng dây chì gai rào xung quanh giáp với phần đất của gia đình bị cáo Thạch Thị Sa C và hai bên xảy ra tranh chấp ranh đất.

Bị cáo Sa C nhiều lần yêu cầu bị hại phải phá bỏ cam vì cho rằng phía bị hại trồng cam trên phần đất của gia đình bị cáo, nhưng bị hại không phá bỏ. Vì vậy, bị cáo Sa C cùng với bị cáo Sơn A và Sơn S1 (là con ruột bị cáo Sa C) bàn bạc với nhau nếu bị hại không phá bỏ cam thì sẽ chặt cây cam và phá hàng rào dây chì gai để kéo dây xác định lại ranh đất, lấy lại diện tích đất mà bị hại đang chiếm trồng cam. Bị cáo Sa C mua một cây kiếm và một cây cưa tay, bị cáo Sơn A chuẩn bị một con dao và cùng thực hiện hành vi chặt phá cam và phá hàng rào dây chì gai của bị hại, cụ thể các lần như sau:

Ngày 02/11/2019, các bị cáo Sa C, S, Sơn S1 thay phiên nhau dùng dao, cưa tay đã cưa, chặt hết 19 cây cam, chặt nhánh của 32 cây cam (khoảng 03 năm tuổi), dùng cây kiếm cắt ngắn từng đoạn dây chì gai dài 45,1 mét, cao 2 mét của bị hại với tổng giá trị thiệt hại là 13.800.000đ.

Ngày 30/8/2020, các bị cáo Sa C, S, Sơn S1 dùng dao, cưa tay và thuê cưa máy đã chặt và cưa hết 61 cây cam (khoảng 03 năm tuổi) của bị hại với tổng giá trị thiệt hại là 24.400.000đ.

Tổng giá trị tài sản do các bị cáo đã hủy hoại của bị hại là 38.200.000đ.

Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Thạch Thị Sa C, S, Sơn S1 phạm tội “Hủy hoại tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) theo như luận tội của Kiểm sát viên.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác và gây mất đoàn kết tình làng, nghĩa xóm tại địa phương. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi hủy hoại tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện 02 lần, nên được xem là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường xong cho bị hại và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Ngoài ra, các bị cáo có nhân thân tốt và ngoài lần phạm tội này chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng; chấp hành tốt chính sách, pháp luật tại địa phương, nên được xem đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Các bị cáo có mối quan hệ là mẹ, con ruột nên cùng một ý chí thực hiện hành vi phạm tội, nhưng mỗi người thực hiện hành vi đơn lẻ, chưa có sự câu kết chặt chẽ nên chỉ là đồng phạm giản đơn.

Với các tình tiết giảm nhẹ nêu trên cũng như về nhân thân của các bị cáo nên tùy theo tính chất, mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo, xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội và giao cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ răn đe, giáo dục để các bị cáo cải tạo, sửa chữa trở thành người tốt, có ích cho xã hội. Đồng thời, qua đó nhằm đấu tranh, ngăn chặn và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Miễn hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo do bị cáo làm thuê và mua bán có thu nhập không ổn định.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với vật chứng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Giữa các bị cáo và bị hại đã tự thỏa thuận bồi thường xong nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo Sơn A và Sơn S1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Sa C do thuộc trường hợp người cao tuổi quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và tại điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

7.1. Đối với Sơn Thị Thu H1 và Sơn Thị Ly K (con ruột bị cáo Sa C):

Có tham gia 02 lần dọn những cây cam mà bị cáo Sa C, S, Sơn S1 đã chặt của bị hại nhưng không có tham gia bàn bạc, không có tham gia chặt cây cam và phá hàng rào dây chì gai của bị hại. Sau khi bị cáo Sa C, S, Sơn S1 chặt cam và phá hàng rào dây chì gai xong thì bị cáo Sa C có gọi điện thoại kêu về phụ dọn cây cam nên không phạm tội hủy hoại tài sản.

7.2. Đối với anh Sơn B (con ruột bị cáo Sa cha):

Vào ngày 02/11/2019, khi bị cáo Sa C, S, Sơn S1 chặt cây cam và phá hàng rào dây chì gai của bị hại xong thì bị cáo Sa C kêu anh Sơn B đi mua lưới B40 về rào lại phần đất vừa chặt cam xong và không có tham gia chặt, phá cam và hiện nay anh Sơn B đã chết nên không xử lý.

7.3. Đối với anh Thạch Ngọc H:

Được bị cáo Sơn S1 thuê cưa cam nhưng anh H không biết những cây cam trên là của ông D nên đã cưa cây cam theo yêu cầu của bị cáo Sơn S1 nên không phạm tội hủy hoại tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt:

Tuyên bố các bị cáo Thạch Thị Sa C, S, Sơn S1 phạm tội “Hủy hoại tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 178; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 58, 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt bị cáo Thạch Thị Sa C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Sơn A 01 (một) năm cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Sơn S1 01 (một) năm cải tạo không giam giữ.

Thời điểm chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long để giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long trong việc giám sát, giáo dục.

Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cây kiếm bằng sắt màu xanh đã qua sử dụng (theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05/9/2024).

3. Về trách nhiệm dân sự: Giữa các bị cáo và bị hại đã tự thỏa thuận bồi thường xong nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Sơn A, Sơn S1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm. Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Thạch Thị Sa C.

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp TVL;
- Phòng hồ sơ CATVL;
- VKS TX Bình Minh;
- CA TX Bình Minh;
- Chi cục THADS TXBM;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Bị cáo, Bị hại;
- Người TGTG khác (nếu có);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nguyên Khoa